Heavy

WELDER S3S

WELDERS3S

Giày hàn S3S cao vừa phả

Giày bảo h ộ th ợ hàn nh i, làm không da chứa k m h g cháy, có khóa dán nhanh, mũi giày bằng carbon, đế HRO chịu nhiệ t và ch ố n g tĩnh điệ n .

BLK

Những vật liệu cao cấp hơn	Da nguyên tấm
lót bên trong	i tái chế lưới
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	ệt chống thủ ng
ngoài Đ	Cao su (NBR), BASF PU
u Đứng đầ	Nanocarbon
i Loạ	S3S / SR, SC, LG, FO, HI, HRO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 36-49 / UK 3.5-13.5 / US 4.0-14.5 JPN 22.5-32.5 / KOR 235-325
ng lượng t thép	0.710 kg
ẩn hiêu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

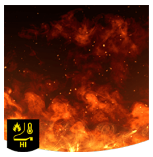

Cách nhiệt **(HI)**
Giày bảo hộ **cách** nhiệt (HI) thường được **mang** trong môi t độ nóng. Nó **giữ** ấm **bên** trong giày.

iệt
ệt được nhiệt độ **cao** lên đến 300°C.

Mặt **trên** bằng **da thoáng khí**
Da tự nhiên [illegible] các ứng dụng **linh** hoạt

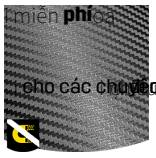

miễn **phí** oạ
Kim l
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên gia [illegible] giày.

X
ESD cung cấp khả **năng** xả **năng** lượng tĩnh điện **có** kiểm **soát** có thể **làm** hỏng **các** bộ phận điện tử và **ngăn** chặn **nguy** cơ bắt lửa **do** tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.

Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**
Vật liệu **công** nghệ cao siêu nhẹ, không [illegible] kim l

Công nghiệp **n:**
Biên t ập , Xây dự n g, Ngành công n ghiệ p , Khai thác m ỏ

ường: **Môi** t
b ề mặt trấm áp, môi khô, môi t ạnh hờn, môi ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cách hầ nhiệ Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Da nguyên** t ấm **cao** cấp h ơn			
	Top: khả năng thấm ướt ớ	? 0.8	2.3 ờ mg/cm/g
	Top: hi nuệ sốc ơ	? 15	29.4 mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ớ		
	L ớp lót: thấm ướt ớ	? 2	86.31 ờ mg/cm/g
	lót: hi nuệ sốc ơ	? 20	691 mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)			
	ệ m chân: Đ ch ố n g mài mòn (khô/ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đ	**Cao su (NBR), BASF PU**		
	Ch ố n g trượt (mài mòn) ế ngoài (	? 150	116 mm
	Chư ố ợt trc gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31	0.39 ma sát
	rư Cột cố ợt bằng G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.38 ma sát
	rư Cột SR n G ế t m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	0.23 ma sát
	Chư ố ợt trc SR g G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22	0.24 ma sát
	rị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	20.7 megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	17 megaohm
	Hấp thụ năng l ượ gót chân ủ	? 20	37 J
Đ ứ n g đầ **Nanocarbon**			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	17.5 mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	19.5 mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi. Giày khiến có t ế thay thế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản ủ

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q
i **CO phát** thả		
	V ật l iệu	10.07 kg
	Bao bì	0.13 kg
	ất Sản x u	1.90 kg
	Chuyên ch ở	0.26 kg
		12.35 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế		
	Product	5%
	Bao bì	99%

Tính toán CO2:
rị được Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.